

TCVN 2420 : 1978

**NỐI ỐNG DÙNG CHO THỦY LỰC, KHÍ NÉN VÀ BÔI TRƠN
 P_{qr} 40 MN/m² ($\approx$ 400 KG/cm²) – PHẦN NỐI CHUYỂN BẬC
BỐN NGÃ – KẾT CẤU VÀ KÍCH THƯỚC**

*Tube connections for hydraulic pneumatic and lubrication – Reduce cross
for P_n 40MN/m² ($\approx$ 400Kgf/cm²) – Construction and dimensions.*

HÀ NỘI – 2008

Lời nói đầu

TCVN 2420 : 1978 do Cục Tiêu chuẩn biên soạn, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Nối ống dùng cho thủy lực khí nén và bôi trơn -

$P_{qu} 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{KG/cm}^2)$ - Phần nối chuyển bậc bốn ngã -

Kết cấu và kích thước

Tube connections for hydraulic pneumatic and lubrication-

Reduce cross for $P_n 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{Kgf/cm}^2)$ -

Construction and dimensions.

1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho phần nối chuyển bậc bốn ngã để nối các ống dẫn $P_{qu} 40\text{MN/m}^2 (\approx 400\text{KG/cm}^2)$, làm việc trong điều kiện môi trường không ăn mòn ở nhiệt độ từ âm 40°C đến dương 120°C .

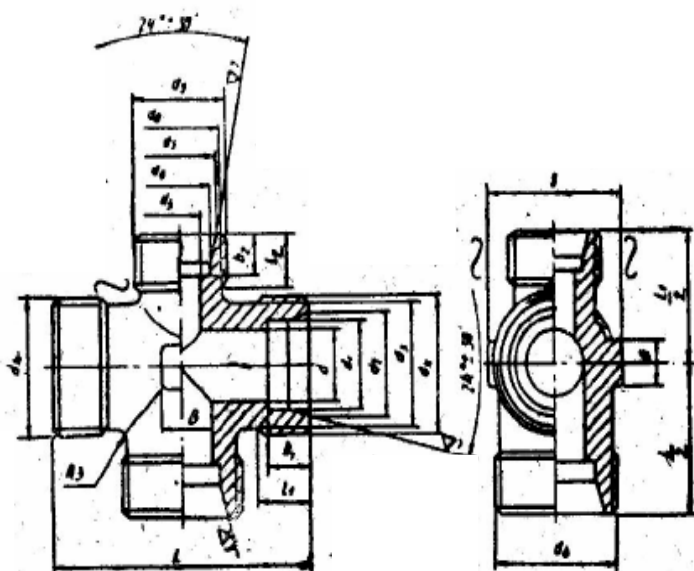
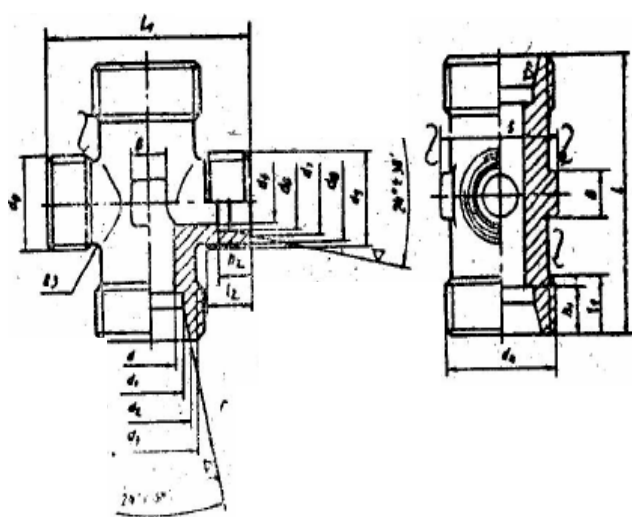
2 Kết cấu và kích thước cơ bản của phần nối chuyển bậc bốn ngã phải phù hợp với chỉ dẫn trên Hình 1 và trong Bảng 1.

Kiểu I

Kiểu II

▽ 4 Còn lại

▽ 4 Còn lại



Hình 1

Bảng 1

Kích thước tính bằng milim

Lỗ thông quy ước D _{qu} x D _{qu}	d	d ₁	d ₂	d ₃	d ₄	d ₅	d ₆	d ₇	d ₈	d ₉	L	L ₁	l ₁	l ₂	h ₁	h ₂	S	B	Khối lượng 1000 chiếc, kg, không lớn hơn	
		Sai lệch giới hạn					Sai lệch giới hạn				Sai lệch giới hạn ± 0,4								Kiểu	
		±0,15	+0,1				±0,15	+0,1											I	II
5 x 3	6	10	12,3	15,8	M18 x 1,5	3	6	8,1	11,8	M14 x 1,5	46	40	10,1	10,1	7,5	7,0	19	10	82,21	90,27
6 x 4	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	5	8	10,1	13,8	M16 x 1,5	50				8,0	7,5	22		100,54	111,70
8 x 6	10	14	16,3	19,9	M22 x 1,5	8	12	14,3	17,8	M20 x 1,5	56	50	12,1	12,1	8,5	8,0	24		143,22	144,65
10 x 8	12	16	18,3	21,8	M24 x 1,5	10	14	16,3	19,8	M22 x 1,5	60	56			13,5	8,5	8,0		27	176,60
13 x 8	15	20	22,9	27,0	M30 x 2						12		16	18,3					21,8	M24 x 1,5
13 x 10						250,31	269,94													
16 x 13	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	15	20	22,9	27,0	M30 x 2	76	64	15,5	13,5	12,0	10,5	36	15	373,35	455,65
20 x 16	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	18	25	27,9	33,0	M36 x 2	88	76	17,5	15,5	13,5	12,0	46		655,04	708,78
25 x 20	28	38	41,0	49,0	M52 x 2	22	30	33,0	39,0	M42 x 2	100	88	19,5	17,5	16,0	13,5	55	18	1076,49	1164,58

Ví dụ: Ký hiệu quy ước của phần nối bốn ngả có D_{qu} 25 mm nối với D'_{qu} 20 mm

Kiểu I: Phần nối bốn ngả 25 x 20 – I TCVN 2420 : 1978.

Kiểu II: Phần nối bốn ngả 25 x 20 – II TCVN 2420 : 1978.

3 Tỏi và ram cao HB 240 ÷ 270.

4 Các yêu cầu kỹ thuật còn lại theo TCVN 2387 : 78.